

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 78/2020/HN-ST

Ngày: 30/3/2021

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Siêng.

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quý** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Cẩm L**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp Tân Thạnh, xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Trần An N**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp Bình Nhựt, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị L có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị L trình bày:

Chị và anh N tổ chức cưới năm 2018 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2018

Thời gian đầu sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh N tham gia hội thánh Đức chúa trời, không quan tâm chăm sóc vợ con, anh thay đổi tính tình, không nói chuyện với ai, không chia sẻ cuộc sống vợ chồng nên anh chị đã ly thân hơn một tháng nay.

Trong thời gian chị nộp đơn ly hôn, anh N biết, anh nói không đến Tòa án, tự giải quyết.

Nay, chị thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần An N, sinh ngày 16/02/2020 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần An N vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị L với anh N. Về con chung: giao cháu Trần An N, sinh ngày 16/02/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần An N tự nguyện tổ chức cưới năm 2018, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Thanh Nhựt, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89 ngày 09/10/2018 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần An N đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nghĩa.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh N, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh N không quan tâm, chăm sóc vợ con, tính tình anh thay đổi nên anh chị đã ly thân khoảng 05 tháng nay. Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục để kéo dài làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng, trong thời gian ly thân, anh N cũng không có biện pháp

hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án nhiều lần mời anh N đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh N không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần An N, sinh ngày 16/02/2020 hiện đang sống với chị L. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn. Xét thấy, cháu N đã sống với chị L ổn định về tâm lý, chỗ ở và cháu mới hơn một tuổi cần phải có sự chăm sóc của chị L nên tiếp tục giao cháu Nguyễn cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Trần An N.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần An N, sinh ngày 16/02/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNST:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0016997 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị Loan đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh N kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Đương sự;
- UBND xã Thạnh Nhựt;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

